

Vietnam Daily Review

VN-Index đảo chiều tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/9/2022		•	
Tuần 19/9-23/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một phiên chiều lợi dòng ngoạn mục, VN-Index kết phiên tăng nhẹ hơn 4 điểm với thanh khoản cải thiện, tuy nhiên chỉ số vẫn chưa thể bật lên trên ngưỡng kháng cự cũ 1,220. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/19 ngành tăng điểm, trong đó dẫn đầu đà tăng là ngành Ô tô và phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng 1,200-1,220, chờ đợi thông tin để xác định xu thế rõ ràng hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều tăng không quá đáng kể theo nhịp vận động của VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/9/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+4.15** điểm, đóng cửa **1214.7** điểm. HNX-Index **+0.55** điểm, đóng cửa 265.64 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.97)**, **BID (+0.51)**, **GVR (+0.35)**, **VIB (+0.27)**, **SSI (+0.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.08)**, **MSN (-0.72)**, **VHM (-0.66)**, **VPB (-0.23)**, **CTG (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,186** tỷ đồng, tăng **35.4%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,667 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.06 điểm. Thị trường có **254** mã tăng, 9 mã tham chiếu, **204** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-482.63** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **NLG (-107.96 tỷ)**, **BCM (-94.87 tỷ)**, **KDH (-78.74 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.61** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1214.70**

Giá trị: 10186.45 tỷ **4.15 (0.34%)**

Khối ngoại (ròng): -482.63 tỷ

HNX-INDEX **265.64**

Giá trị: 1096.76 tỷ **0.55 (0.21%)**

Khối ngoại (ròng): -7.61 tỷ

UPCOM-INDEX **88.55**

Giá trị: 522.1 tỷ **0.32 (0.36%)**

Khối ngoại (ròng): -56.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.9	1.18%
Giá vàng	1,670	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,712	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,826	-0.30%
Tỷ giá JPY/VND	16,491	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.2%	0.27%
LS TPCP 5 năm	3.7%	0.40%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	45.22	NLG	-107.96
FRT	19.26	BCM	-94.87
VIC	12.76	KDH	-78.74
HCM	9.19	VHM	-36.10
GMD	9.03	VCB	-32.82

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/8/2022	DRC	29.5	34	27.5	30.95	39	4.92%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2022	VTP	62.3	70	58.5	62	40	-0.48%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/8/2022	REE	81.2	93	76	86	41	5.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2022	POW	13.75	16	13	14.15	42	2.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/8/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	40	43	-3.03%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
18/7/22	GVR	23.2	28	21.9	25.05	57	7.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

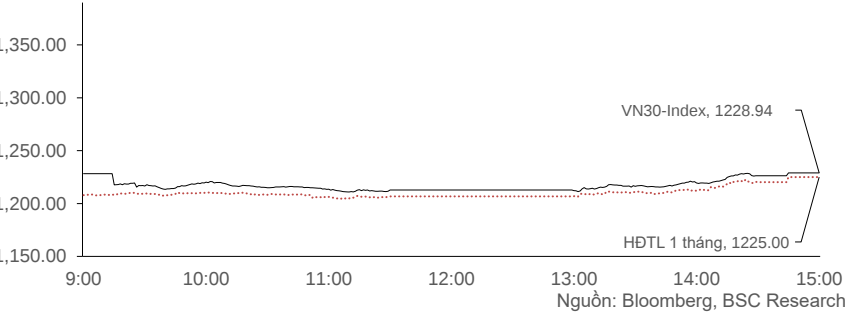
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	2	5.43%	-1.76%	3.03%	44
Cổ phiếu đã chốt	249	223	7.10%	-7.53%	4.17%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1225.00	0.44%	-3.94	-10.3%	265,857	10/20/2022	28
VN30F2211	1219.40	0.16%	-9.54	130.3%	1,262	11/17/2022	56
VN30F2212	1220.00	0.29%	-8.94	95.8%	94	12/15/2022	84
VN30F2203	1217.80	0.19%	-11.14	-17.9%	69	3/16/2023	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.74 điểm lên 1228.94 điểm, biên độ dao động 18.61 điểm. Các cổ phiếu như VIB, ACB, SSI, FPT, và STB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp tục giằng co trong vùng âm điểm suốt cả ngày với biên độ rộng, cuối phiên chiều mới vọt lên để chốt phiên tăng 0.06% so với phiên trước. Thanh khoản chưa thể vượt qua đường MA20. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều tăng không quá đáng kể theo nhịp vận động của VN30. Xét về KLGD, các HĐ tăng trừ VN30F2303. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2303 và VN30F2211 tăng, các HĐ còn lại giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2204	1/3/2023	103	16:1	25,200	31.76%	1,000	290	11.54%	82	3.54	65,339	57,979	51,600
CHDB2206	1/3/2023	103	8:1	97,600	32.92%	1,000	240	4.35%	40	5.94	32,959	29,999	24,700
CVRE2212	1/13/2023	113	2:1	12,900	39.53%	1,000	740	2.78%	1,172	0.63	32,060	30,000	28,650
CHDB2205	10/20/2022	28	5:1	104,200	32.92%	1,000	160	0.00%	34	4.70	29,311	27,111	24,700
CVRE2207	10/20/2022	28	8:1	111,200	39.53%	1,000	60	0.00%	23	2.55	34,133	33,333	28,650
CMSN2207	1/9/2023	109	9.92:1	11,800	41.89%	1,940	1,180	0.00%	544	2.17	141,351	129,000	110,000
CPNJ2202	10/3/2022	11	24.8:1	143,400	39.26%	1,200	580	0.00%	514	1.13	116,842	99,999	114,000
CMWG2210	3/10/2023	169	20:1	41,400	35.90%	1,000	890	0.00%	729	1.22	78,999	58,999	70,100
CSTB2214	1/9/2023	109	2:1	83,300	45.29%	1,630	1,370	-0.72%	831	1.65	27,700	23,000	21,950
CSTB2215	3/28/2023	187	5:1	303,500	45.29%	1,100	870	-1.14%	545	1.60	28,772	22,222	21,950
CNVL2208	3/28/2023	187	16:1	4,100	24.76%	1,200	1,120	-1.75%	614	1.82	99,039	79,999	84,600
CVNM2207	3/28/2023	187	15.4:1	9,000	27.62%	1,100	1,240	-3.13%	687	1.81	89,304	68,668	76,900
CTPB2204	3/28/2023	187	10:1	3,700	39.87%	1,000	600	-4.76%	365	1.64	31,688	23,888	25,350
CVRE2208	11/7/2022	46	2:1	111,100	39.53%	2,300	530	-5.36%	332	1.60	33,280	32,000	28,650
CMSN2210	1/13/2023	113	8:1	11,400	41.89%	1,000	990	-9.17%	1,205	0.82	126,480	116,000	110,000
CMSN2212	3/10/2023	169	20:1	12,500	41.89%	1,100	1,060	-10.17%	700	1.51	136,433	112,233	110,000
CVHM2208	11/7/2022	46	8:1	130,200	25.03%	1,200	210	-12.50%	9	22.91	72,840	69,000	57,700
CKDH2211	12/9/2022	78	2:1	66,700	31.29%	3,100	600	-13.04%	127	4.71	44,268	40,888	31,450
CTPB2205	12/12/2022	81	2:1	881,300	39.87%	4,000	710	-14.46%	447	1.59	32,000	28,000	25,350
CMBB2207	1/3/2023	103	8.33:1	23,700	34.64%	1,000	570	-16.18%	297	1.92	26,044	23,456	21,250
Tổng		2,188,200	36.53%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/9/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2215 và CACB2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 60%. Giá trị giao dịch tăng 14.82%. CMSN2210 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.56%.
- CPNJ2205, CFPT2205, CMSN2205, và CTCB2208 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2205, CHDB2206, CHDB2208, và CVRE2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CHPG2216, CMWG2208, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	70.1	0.1%	0.6	4,461	12.8	3,436	20.4	4.6	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	114.0	0.1%	0.6	1,219	1.3	5,978	19.1	3.4	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	55.2	0.2%	1.2	1,782	1.5	2,411	22.9	1.9	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	43.3	0.0%	0.7	441	0.0	3,289	13.2	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	63.3	0.3%	0.5	10,497	3.3	(60)	#N/A N/A	2.2	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	28.7	0.2%	1.1	2,831	1.0	571	50.2	2.0	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	57.7	-1.0%	0.8	10,924	5.9	6,478	8.9	2.1	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	25.8	3.6%	1.4	681	11.7	1,223	21.1	1.7	29.0%	8.2%
SSI	Chứng khoán	21.1	2.7%	1.8	1,366	15.5	2,674	7.9	1.6	34.7%	22.0%
VCI	Chứng khoán	33.7	3.7%	1.0	638	9.3	3,497	9.6	2.1	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	27.2	5.2%	1.6	541	11.4	2,522	10.8	1.6	40.7%	17.5%
FPT	Công nghệ	82.9	0.7%	1.0	3,954	4.2	4,512	18.4	4.6	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	67.8	0.0%	0.4	968	0.0	4,926	13.8	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.0	1.8%	1.0	9,237	1.1	6,669	16.6	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	37.6	-0.9%	1.5	2,074	2.4	723	52.0	2.1	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	26.3	-0.4%	1.6	547	8.0	1,104	23.8	1.1	10.7%	4.4%
BSR	Dầu khí	22.5	-0.9%	0.8	3,033	5.7	2,108	10.7	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	89.8	0.6%	0.3	510	0.0	6,361	14.1	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	50.2	1.7%	1.3	854	6.1	14,563	3.4	1.5	15.2%	51.9%
DCM	Hóa chất	37.0	2.9%	1.3	852	9.3	7,025	5.3	2.0	8.4%	44.7%
VCB	Ngân hàng	78.0	-1.1%	0.8	16,049	4.0	5,273	14.8	3.0	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	35.2	1.2%	1.2	7,731	1.5	2,562	13.7	2.0	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	25.4	-0.6%	1.5	5,307	3.5	3,056	8.3	1.2	26.9%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.3	-0.7%	1.2	5,701	10.8	3,755	7.8	1.4	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	21.3	0.2%	1.3	4,189	4.9	3,467	6.1	1.4	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.8	0.9%	1.1	3,348	1.8	3,482	6.5	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	60.3	-1.5%	0.7	215	0.2	4,413	13.7	2.0	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	39.3	0.0%	0.6	221	0.1	3,914	10.0	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.1	0.5%	1.6	913	0.1	178	107.3	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.0	0.4%	1.1	5,815	11.5	4,747	4.8	1.3	20.9%	31.8%
HSG	Thép	16.4	1.6%	1.5	425	5.3	3,511	4.7	0.8	4.5%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	76.9	0.0%	0.5	6,988	3.4	4,055	19.0	4.7	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	187.0	-0.5%	0.8	5,214	0.8	7,018	26.6	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	-1.8%	1.0	6,809	2.1	7,172	15.3	5.4	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.9	0.6%	1.6	462	1.0	1,381	12.2	1.2	7.8%	8.3%
ACV	Vận tải	84.9	1.0%	0.8	8,036	0.0	363	234.0	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	115.0	0.0%	1.1	2,708	2.7	176	652.8	3.6	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	14.8	1.0%	1.7	1,425	0.4	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.0	2.2%	1.0	642	1.1	2,705	18.1	2.2	47.1%	12.5%
PVT	Vận tải	21.6	0.2%	1.4	304	1.4	1,982	10.9	1.3	14.4%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	71.0	0.7%	0.9	494	0.2	10,334	6.9	2.3	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.7	2.4%	0.7	1,183	1.9	4,350	14.0	3.5	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	2.0%	1.1	259	0.4	505	30.9	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	68.0	0.7%	1.2	218	1.4	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	22.1	2.8%	1.5	242	6.6	1,446	15.3	1.0	9.2%	6.9%
REE	Điện	84.4	0.7%	-1.4	1,304	1.6	6,593	12.8	2.1	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.2	1.8%	-0.4	401	2.2	2,081	18.8	1.9	4.6%	10.5%
POW	Điện	13.7	1.5%	0.6	1,390	7.6	676	20.2	1.1	2.7%	5.3%
NT2	Điện	31.9	6.9%	0.6	399	3.0	3,116	10.2	2.1	13.8%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	29.7	2.1%	1.6	991	7.6	324	91.6	1.6	17.1%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	96.1	0%	0.9	4,325	0.3	1,640	58.6	5.7	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	111.00	1.83	0.97	232400
BID	35.15	1.15	0.51	977300
GVR	23.60	1.51	0.35	1.42MLN
VIB	22.50	2.27	0.27	1.41MLN
SSI	21.10	2.68	0.21	17.21MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.66	2.37MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.23	8.54MLN	607060
VHM	0.00	-0.18	3.21MLN	373600
VPB	0.00	-0.17	10400	192700
CTG	0.00	-0.16	102800	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TEG	9.95	6.99	0.01	653800.00
SJF	5.82	6.99	0.01	1.30MLN
LEC	9.83	6.96	0.00	6800
SVC	98.50	6.95	0.05	100
NT2	31.85	6.88	0.15	2.22MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	78.00	-1.14	-1.08	1.18MLN
MSN	110.00	-1.79	-0.72	435200
VHM	57.70	-1.03	-0.66	2.37MLN
VPB	29.30	-0.68	-0.23	8.54MLN
CTG	25.40	-0.59	-0.18	3.21MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

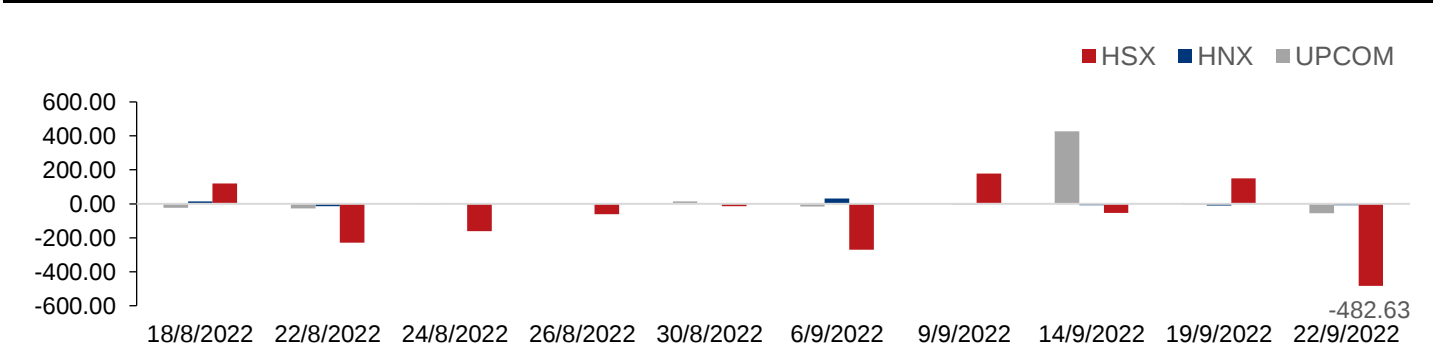
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	11.40	3.64	0.48	11.36MLN
CEO	27.00	1.89	0.16	2.43MLN
MBS	17.70	4.73	0.13	1.39MLN
IPA	19.50	3.72	0.10	163700.00
IDJ	14.20	2.90	0.09	1.33MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	19.10	-6.37	-1.02	913500
THD	47.70	-0.21	-0.06	34900
INN	46.10	-3.76	-0.04	16200
IDC	53.00	-0.19	-0.04	3.67MLN
PVS	26.30	-0.38	-0.04	7.01MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM7	3.30	10.0	0.00	9400
KHS	17.70	9.9	0.01	100
SDU	31.70	9.7	0.01	100
SSM	5.80	9.4	0.00	200
PTD	14.00	9.4	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HEV	45.90	-10.00	0.00	100
NHC	27.00	-10.00	-0.01	100
THS	20.70	-10.00	0.00	3300
VNT	74.50	-9.81	-0.02	34500
SAF	56.00	-9.68	-0.02	1100

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.9	363	234.0	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	22.2	0	#N/A N/A	0.9	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	82.9	4,512	18.4	4.6	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.3	4,413	13.7	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	67.5	4,637	14.6	2.7	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	31.5	1,755	17.9	2.1	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	54.4	9,171	5.9	1.9	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	84.2	11,226	7.5	2.1	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	63.0	4,901	12.9	2.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	36.0	1,966	18.3	1.6	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	25.8	1,223	21.1	1.7	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	26.4	1,127	23.4	1.3	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	50.2	14,563	3.4	1.5	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.6	505	30.9	1.1	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	31.9	3,116	10.2	2.1	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	22.2	0	#N/A N/A	0.9	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	32.0	2,692	11.9	1.1	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	21.3	1,168	18.2	1.9	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.2	2,081	18.8	1.9	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.7	676	20.2	1.1	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	21.5	6,984	3.1	0.9	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	84.4	6,593	12.8	2.1	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	37.6	4,406	8.5	1.0	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.0	6,669	16.6	3.6	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.5	3,842	11.8	2.1	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	15.2	4,170	3.6	1.6	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	70.6	3,616	19.5	6.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.2	1,889	8.0	0.7	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	31.9	3,116	10.2	2.1	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.3	10,763	6.6	1.4	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	86.7	5,014	17.3	5.6	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.2	2,081	18.8	1.9	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.7	179	87.4	0.8	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.9	4,512	18.4	4.6	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.9	2,277	14.0	2.2	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	21.5	6,984	3.1	0.9	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.7	676	20.2	1.1	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	70.1	3,436	20.4	4.6	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.6	1,982	10.9	1.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639